

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2024

CTCP Dịch vụ Hàng không sân bay Đà Nẵng

Ngày 30/09/2024	37,400 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	3.9%	3.6%	6.3%

DT thuần Q3/24
48.0
tỷ VNĐ
QoQ: ▼1.70 -3.5%
YoY: ▲ 4.90 11.3%

LN thuần Q3/24
1.45
tỷ VNĐ
QoQ: ▼2.08 -58.9%
YoY: ▼0.55 -27.5%

LN sau thuế Q3/24
1.46
tỷ VNĐ
QoQ: ▼2.32 -61.5%
YoY: ▼0.74 -33.8%

Tỷ suất lãi EBIT Q3/24
3.2%
YoY: +/-▼ 4.7%

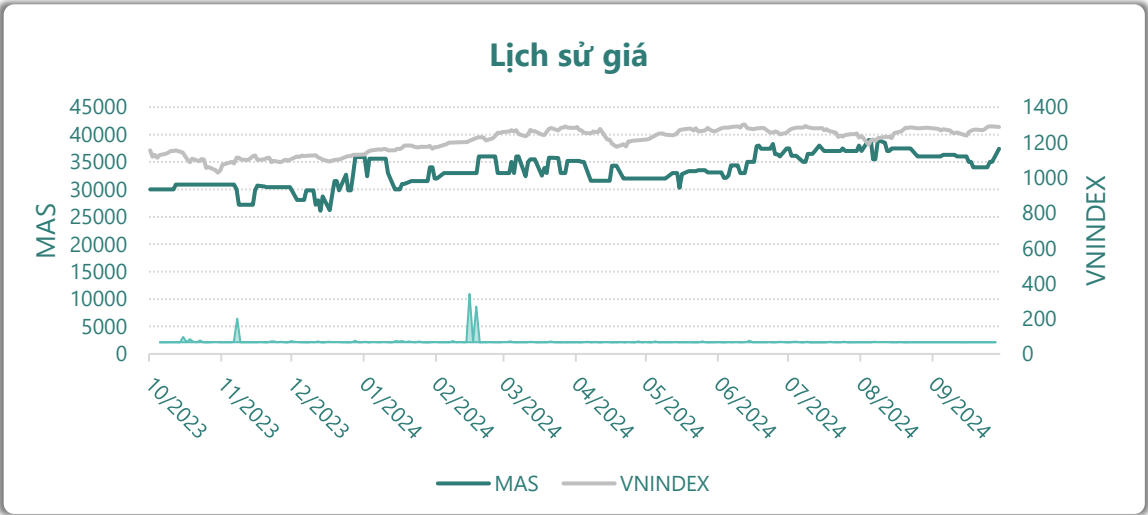
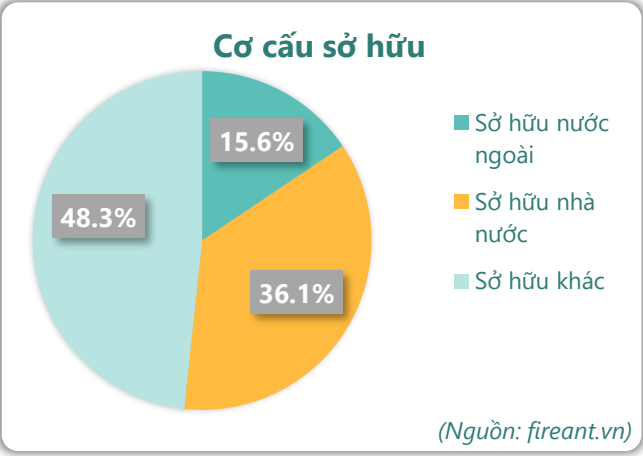
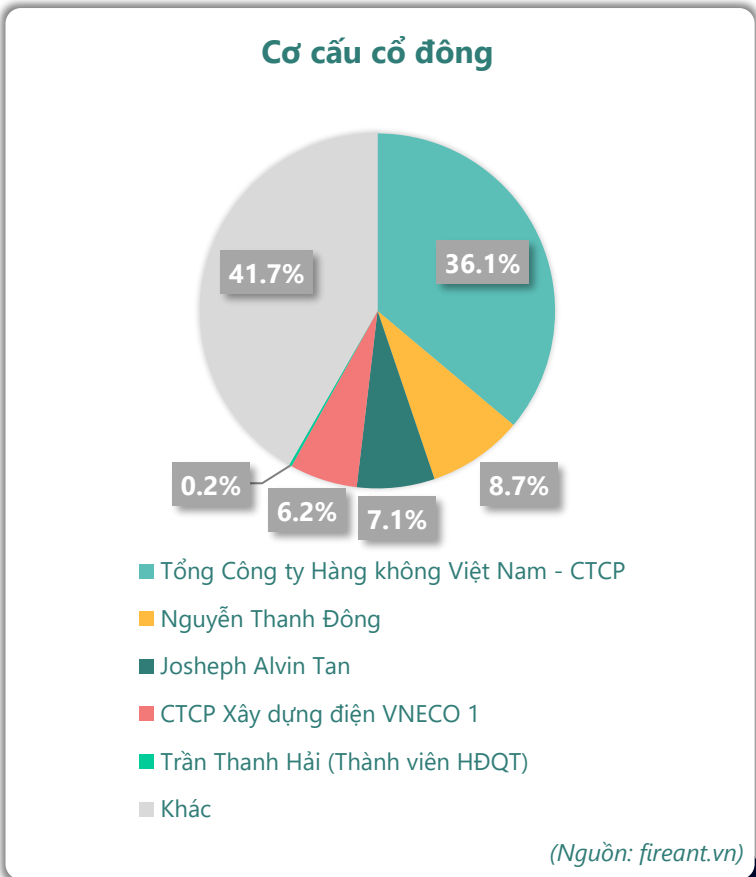
ROE (TTM) Q3/24
22.7%
YoY: +/-▼ 3.2%

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	26,100 - 39,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	160
Số lượng CPLH (CP)	4,267,683
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,310
Sở hữu nước ngoài	15.6%
Beta	(0.40)
EPS	1,729
P/E	21.6

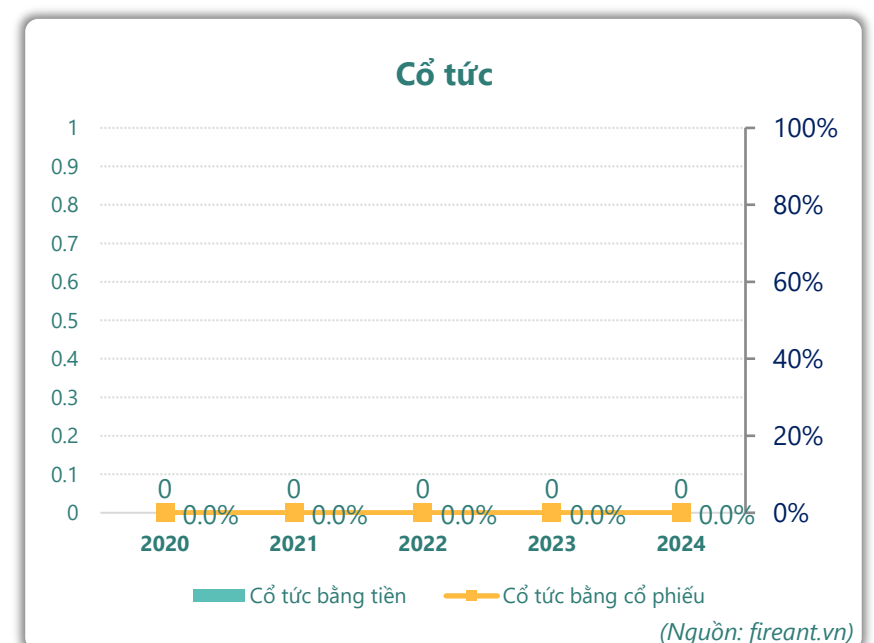
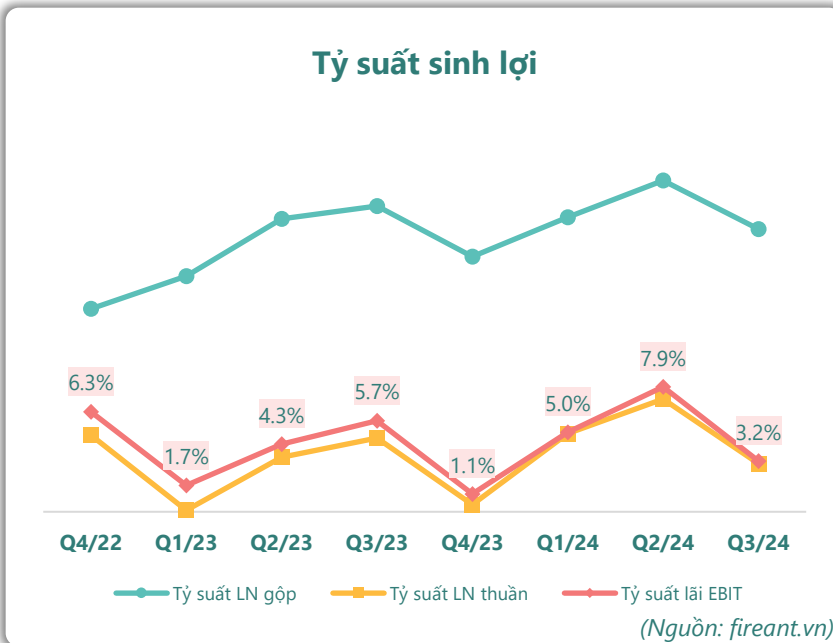
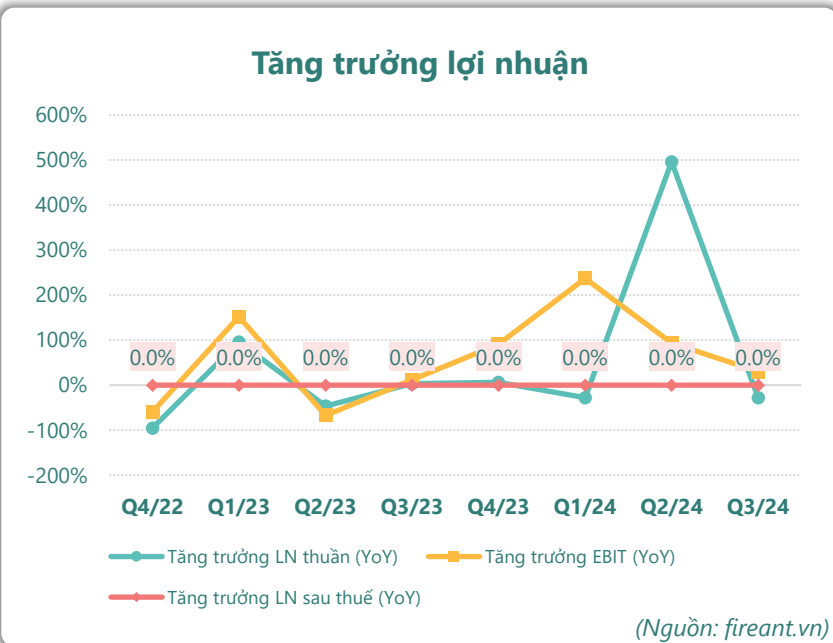
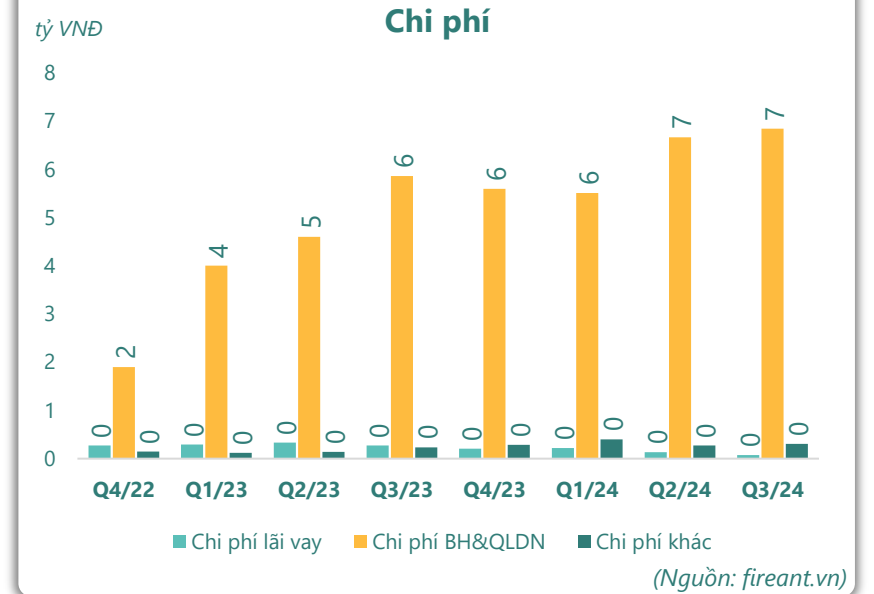
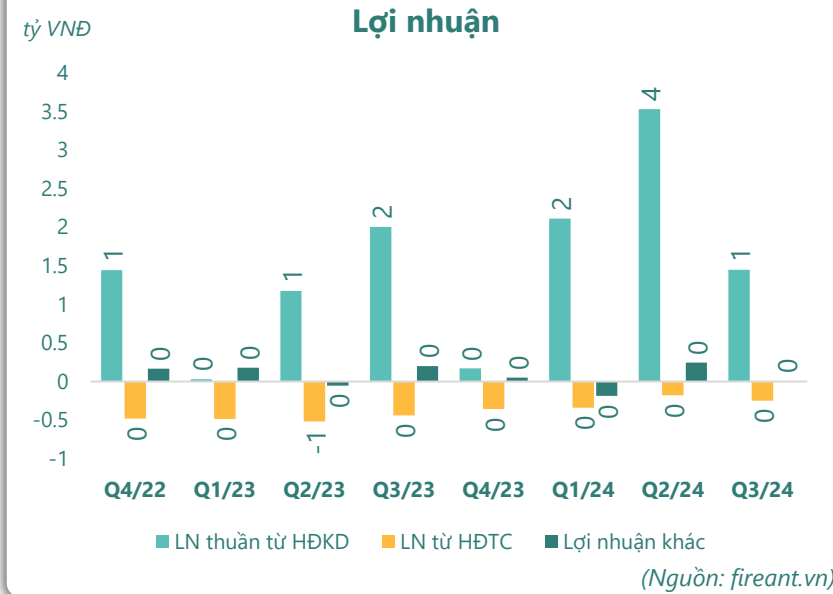
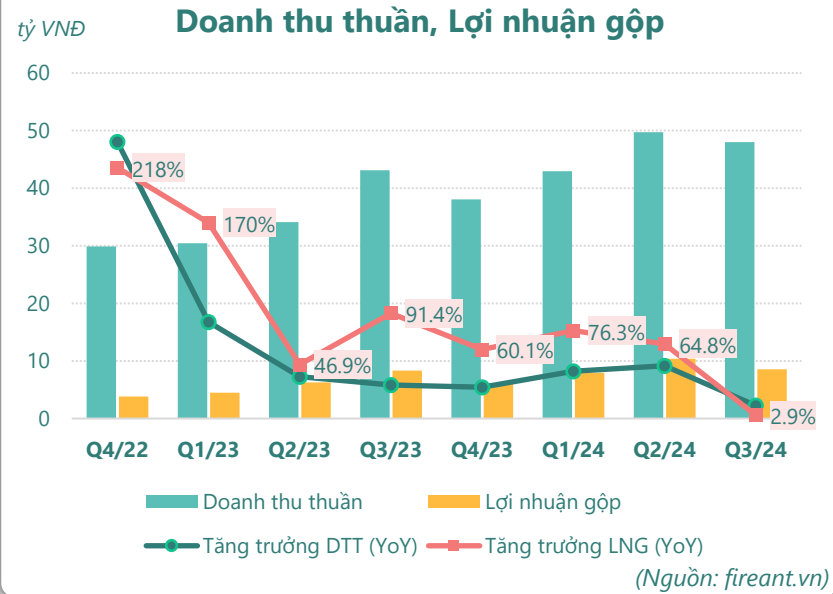
DT thuần 9T 2024
141
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 33.0 30.6%

LN thuần 9T 2024
7.10
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 3.89 121%

LN sau thuế 9T 2024
7.16
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 3.63 103%



KẾT QUẢ KINH DOANH



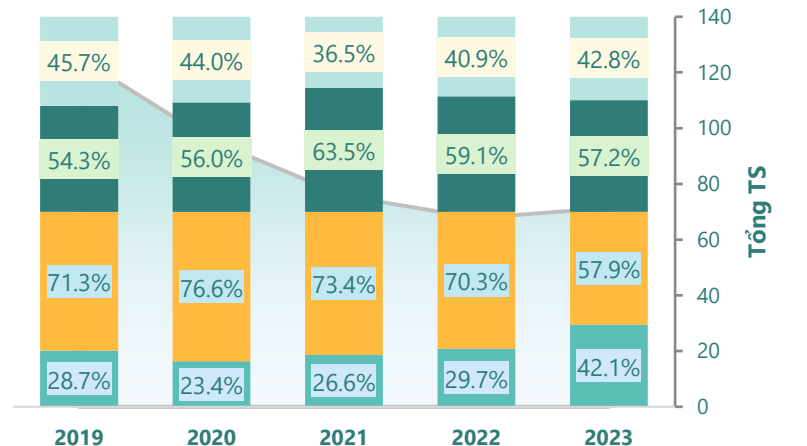


TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ

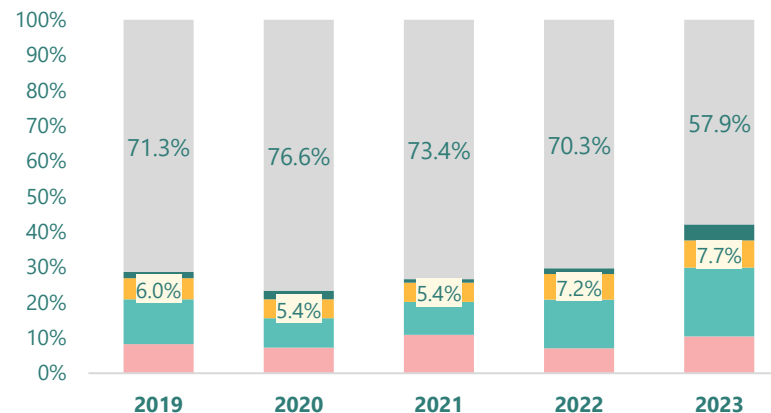
Tổng TS



■ Tổng tài sản ■ TS ngắn hạn ■ TS dài hạn ■ Nợ phải trả ■ Nguồn VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS

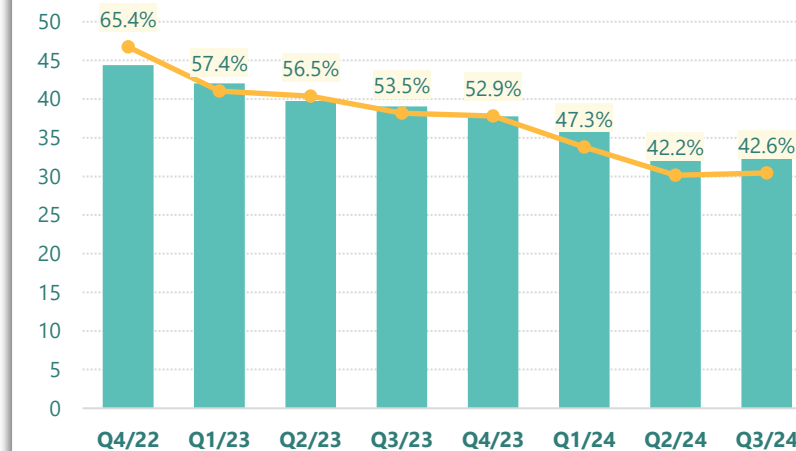


■ Tiền và TĐ tiền ■ Đầu tư TC ngắn hạn ■ Phải thu ngắn hạn ■ Hàng tồn kho ■ TSNH khác ■ TS dài hạn

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

tỷ VNĐ

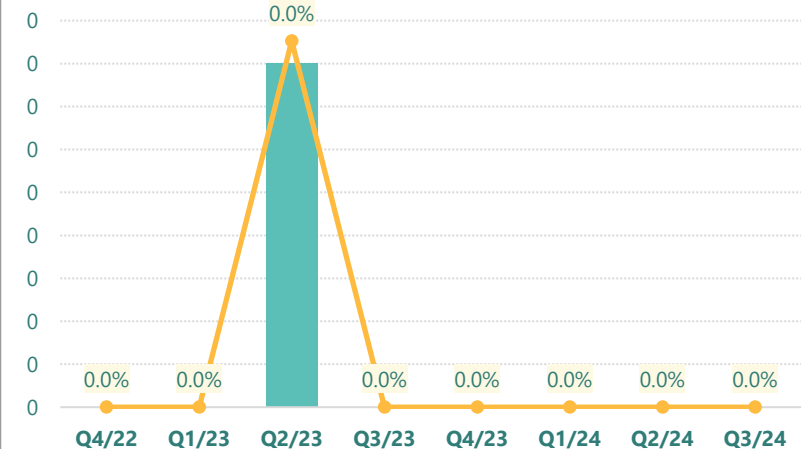


■ Tài sản cố định — TSCĐ/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

tỷ VNĐ

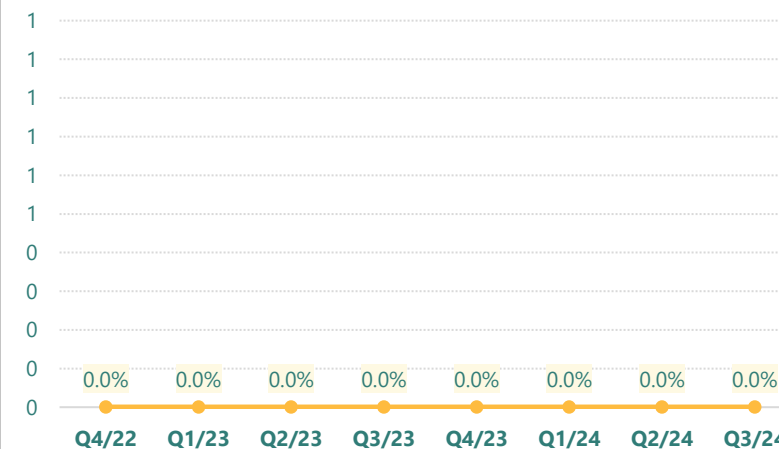


■ Tài sản dở dang — TSDD dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

tỷ VNĐ

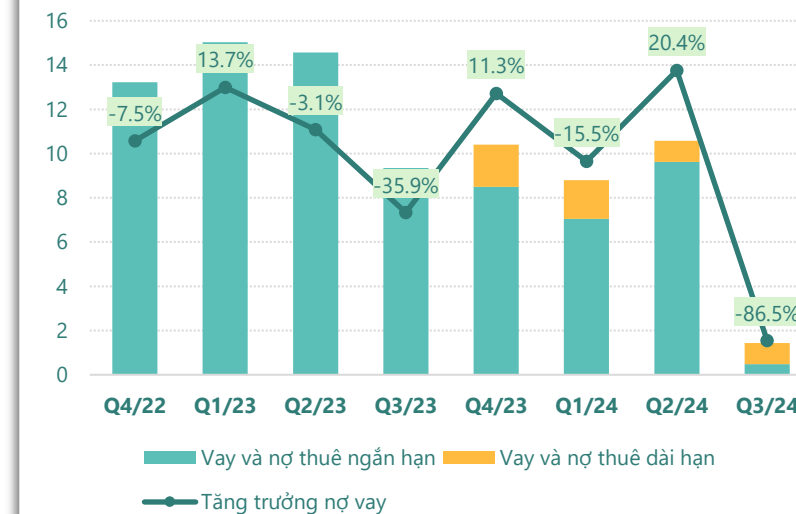


■ Đầu tư tài chính dài hạn — ĐTTC dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

tỷ VNĐ



■ Vay và nợ thuê ngắn hạn ■ Vay và nợ thuê dài hạn

— Tăng trưởng nợ vay

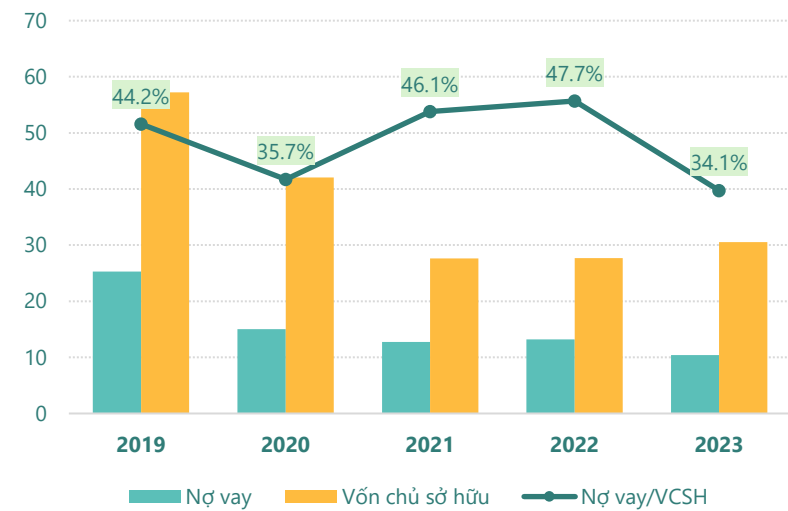
(Nguồn: fireant.vn)



HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

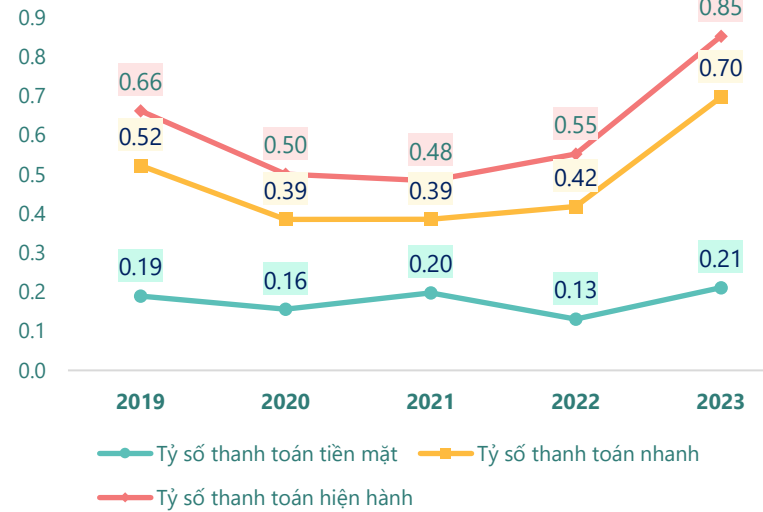
Nợ vay/VCSH

tỷ VNĐ



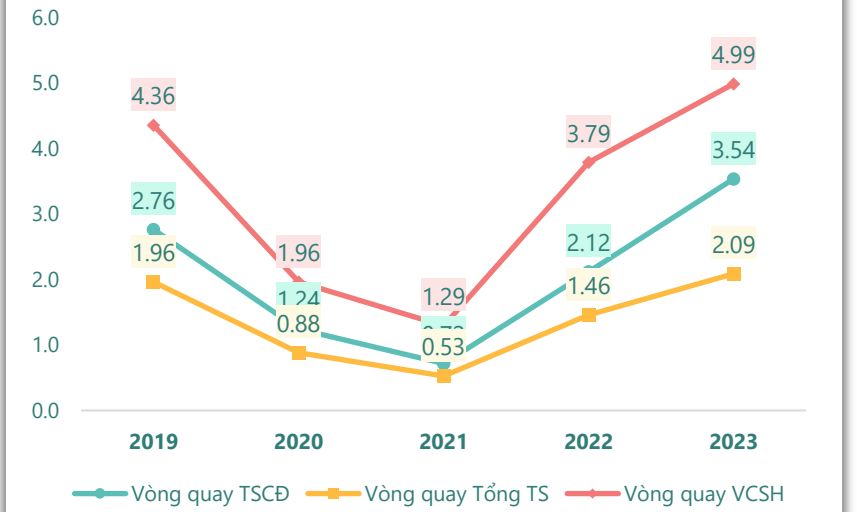
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



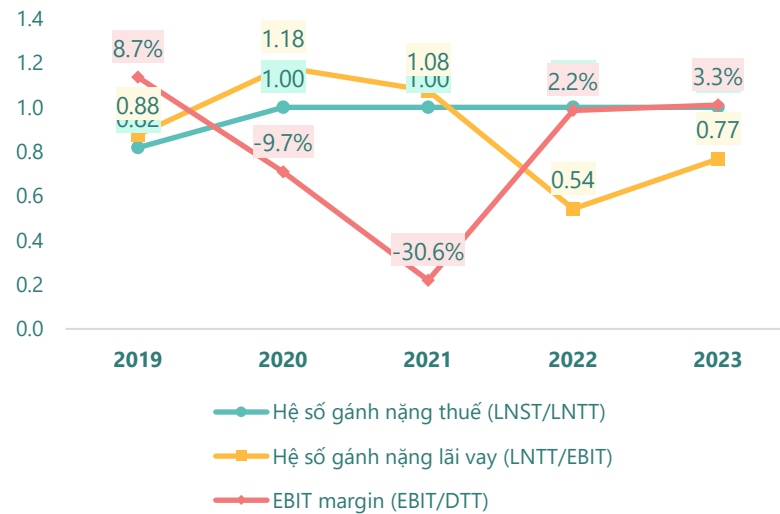
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



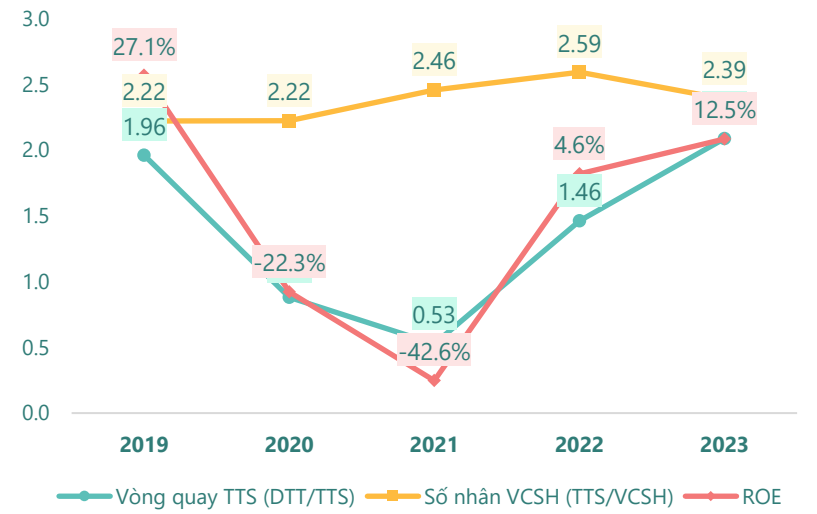
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



(Nguồn: fireant.vn)

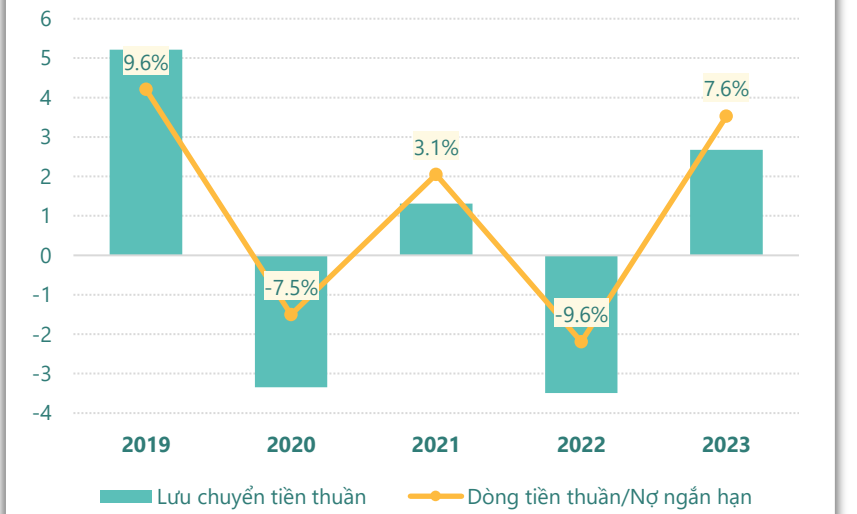
Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)



KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q3/24	Q3/23	Thay đổi YoY	9T 2024	9T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	48.0	43.1	11.3%	141	108	30.6%
Giá vốn hàng bán	39.4	34.8	13.3%	114	88.5	28.5%
Lợi nhuận gộp	8.54	8.30	2.9%	26.9	19.1	40.6%
Doanh thu HĐTC	0.01	0.02	-38.9%	0.23	0.02	917%
Chi phí TC	0.26	0.46	-43.5%	0.99	1.47	-32.2%
Chi phí lãi vay	0.07	0.27	-73.1%	0.43	0.90	-52.3%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	2.07	1.99	4.1%	6.16	5.17	19.0%
Chi phí QLDN	4.77	3.87	23.4%	12.9	9.30	38.4%
LN thuần từ HĐKD	1.45	2.00	-27.5%	7.10	3.21	121%
Lợi nhuận khác	0.00	0.20	-97.6%	0.06	0.33	-80.0%
LN trước thuế	1.46	2.20	-33.8%	7.16	3.53	103%
Lợi nhuận sau thuế	1.46	2.20	-33.8%	7.16	3.53	103%
LNST của CĐ cty mẹ	1.46	2.20	-33.8%	7.16	3.53	103%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-0.01	7.28	0.74	6.04	7.47	9.23
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-0.01	-1.21	-0.70	-3.57	-3.36	-1.35
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-0.46	-5.21	1.04	-1.61	1.79	-9.15
Tiền đầu kỳ	5.98	5.51	6.36	7.45	8.34	14.2
Lưu chuyển tiền thuần	-0.47	0.85	1.08	0.86	5.90	-1.27
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0	0.00	0.04	-0.03	0
Tiền cuối kỳ	5.51	6.36	7.45	8.34	14.2	12.9

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	79.4	71.4	11.2%
Tài sản ngắn hạn	42.6	30.1	41.8%
Tiền và tương đương tiền	12.9	7.45	73.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	7.00	0	
Phải thu ngắn hạn	14.7	13.9	6.5%
Hàng tồn kho	5.02	5.48	-8.5%
Tài sản ngắn hạn khác	2.92	3.29	-11.3%
Tài sản dài hạn	36.8	41.3	-11.0%
Phải thu dài hạn	0.11	0.11	0.0%
Tài sản cố định	33.8	37.8	-10.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	2.83	3.42	-17.2%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	45.0	40.8	10.2%
Nợ ngắn hạn	40.4	35.3	14.5%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0.48	8.49	-94.4%
Phải trả người bán ngắn hạn	9.11	9.75	-6.5%
Nợ dài hạn	4.59	5.55	-17.2%
Vay và nợ thuê dài hạn	0.95	1.91	-50.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	34.4	30.5	12.6%
Vốn chủ sở hữu	34.4	30.5	12.6%
Vốn điều lệ	42.7	42.7	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

